

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26 A /2019/HNGĐ - ST

Ngày: 21 - 8 - 2019

V/v: ly hôn với người mất tích

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Thọ

2. Ông Lưu Minh Sửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Hồng Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

Ngày 21 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Tiến T, sinh năm 1975, địa chỉ: Xóm 6, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt

- Bị đơn: Chị Trần Thị , sinh năm 1978, nơi ĐKKHKT: Xóm 6, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Là người bị tuyên bố mất tích theo quyết định số 06/2019/QĐDS-ST ngày 30/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện T; (Vắng mặt lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 4 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Lê Tiến T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị Trần Thị L qua tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có tổ chức cưới theo phong tục và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã T, huyện T, Thanh Hóa vào ngày 25/11/1998, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có 01 con chung. Đến ngày 02/01/2000 không hiểu vì lý do gì chị L đã bỏ đi khỏi địa phương. Anh T và gia đình, bạn bè đã tìm kiếm nhiều nơi, nhưng không có tin tức về chị L, nên anh T đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị L là người mất tích. Sau khi thực hiện đầy đủ các biện pháp thông báo tìm kiếm theo quy định pháp luật, nhưng vẫn không có tin tức xác thực về chị L đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Ngày 30/01/2019 Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên bố chị Trần Thị L là người mất tích; đến nay vẫn không có tin tức xác thực về chị Lý, nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị L. Về con chung: anh T xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 13/10/1999; hiện tại con chung đã trưởng thành anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản và công nợ: anh Th xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Trần Thị L là người đã bị tuyên bố mất tích; Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Lê Tiến T khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với chị Trần Thị Lý, có hộ khẩu thường trú tại: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

Bị đơn là chị Trần Thị L đã bị Tòa án tuyên bố là người mất tích, Quá trình giải quyết vụ án, không có tin tức xác thực về chị L; Căn cứ vào Điều 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Lê Tiến T và chị Trần Thị L tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/11/1998, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Thành và chị L là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Vào ngày 02/01/2000 chị L bỏ đi biệt tích và tại Quyết định số 06/2019/QĐDS-ST ngày 30/01/2019 Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên bố chị Trần Thị L là người mất tích; đến nay vẫn không có tin tức xác thực về chị L đang ở đâu. Nay anh T có đơn yêu cầu giải quyết xin được ly hôn với chị L. Hội đồng xét xử xét thấy: yêu cầu của anh T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, nên chấp nhận xử cho anh Lê Tiến Th được ly hôn với chị Trần Thị L.

[3] Về con chung: anh Lê Tiến T và chị Trần Thị L có 01 (một) con chung là Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 13/10/1999. Xét thấy con chung của anh chị đã trưởng thành nên không xem xét.

[4] Về phần tài sản và công nợ: anh T xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị L không có lời khai. Do đó không xem xét.

[5] Về án phí: anh Lê Tiến T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Tiến T.

Anh Lê Tiến Thành được ly hôn với chị Trần Thị L.

2. Về con chung: anh Lê Tiến Thành và chị Trần Thị L có 01 (một) con chung là Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 13/10/1999. Cháu đã trưởng thành do vậy không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản và công nợ: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Tiến T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Thành đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0001451 ngày 09/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh Lê Tiến T đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Tân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Trọng Hiền